

Số: /KH-UBND

Tân Yên, ngày tháng 9 năm 2021

KẾ HOẠCH**Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Tân Yên
giai đoạn 2021 - 2025 trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19****CHƯƠNG I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.

- Căn cứ Luật phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật PCTT và Luật Đề điều ngày 17/6/2020.

- Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều.

- Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai

- Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai; Quyết định số 02/QĐ-TWPCTT ngày 18/02/2020 của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai về ban hành sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai;

- Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về hướng dẫn xây dựng kế hoạch PCTT các cấp ở địa phương;

- Căn cứ Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều;

- Căn cứ Kế hoạch thực hiện Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Căn cứ Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về Ban hành quy chế tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bắc Giang; Kế hoạch số 303/KH-UBND ngày 02/7/2021 về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Căn cứ Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000.

CHƯƠNG II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Làm cơ sở để các cấp, các ngành từ huyện đến cơ sở chủ động công tác phòng, chống thiên tai, nhất là trong tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra ngày càng phức tạp; Nâng cao năng lực chỉ đạo thực hiện phòng ngừa và ứng phó với thiên tai.

Nâng cao nhận thức của cộng đồng trong công tác quản lý rủi ro thiên tai, nhất là ứng phó kịp thời với những loại hình thiên tai nguy hiểm như bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, ngập lụt, hạn hán, sương muối...

Ứng phó kịp thời, hiệu quả với mọi loại hình thiên tai, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, đặc biệt là người, tài sản và công trình trọng yếu. Xác định **‘Tính mạng con người là trên hết’** kịp thời di dời, sơ tán dân ra khỏi khu vực xung yếu, vùng có nguy cơ cao đến nơi an toàn, nhất là đối với các đối tượng dễ bị tổn thương, đảm bảo các nguyên tắc phòng chống dịch Covid-19.

Bảo vệ sản xuất công nghiệp, tài sản cho các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài khi có thiên tai xảy ra.

Bảo vệ sản xuất nông nghiệp, hạn chế thấp nhất những thiệt hại gây ra; góp phần đảm bảo an ninh lương thực, thu nhập của người dân trên địa bàn.

Các công trình phòng chống thiên tai: hệ thống đê, hồ, đập, kè, cống thường xuyên được duy tu, sửa chữa đảm bảo an toàn khi có thiên tai xảy ra.

2. Yêu cầu

Các cấp, các ngành từ huyện đến cơ sở quán triệt, triển khai và thực hiện công tác phòng, chống thiên tai theo phương châm *‘4 tại chỗ+5k+ vắc xin’*, theo nguyên tắc *‘chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương, hiệu quả, đảm bảo yêu cầu phòng chống dịch của Bộ Y tế’*.

Có sự thống nhất các nội dung, thông tin, dữ liệu: phối hợp chặt chẽ, sẵn sàng, tăng khả năng hiệp đồng triển khai các hoạt động ứng phó thiên tai và hỗ trợ trường hợp khẩn cấp trong bối cảnh dịch bệnh.

Nâng cao năng lực xử lý các tình huống sự cố, chỉ huy, điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai đạt hiệu quả cao nhất.

Thông tin, tuyên truyền, cảnh báo, hướng dẫn các biện pháp phòng, tránh ứng phó thiên tai kịp thời đến cộng đồng dân cư.

Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai, phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, tránh thiên tai của nhân dân trên địa bàn.

Người dân chủ động theo dõi chặt chẽ những diễn biến của thiên tai, tuyệt đối chấp hành các mệnh lệnh, chỉ thị của các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương trong việc chủ động ứng phó với diễn biến của thiên tai.

CHƯƠNG III. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ XÃ HỘI

1. Điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý của huyện Tân Yên

Tân Yên là huyện miền núi nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Bắc Giang, có diện tích tự nhiên 20.834,11 ha. Phía Bắc giáp huyện Yên Thế; Phía Đông giáp huyện Lạng Giang; Phía Nam giáp huyện Việt Yên và thành phố Bắc Giang; Phía Tây giáp huyện Hiệp Hoà và tỉnh Thái Nguyên.

Huyện có 20 xã và 2 thị trấn, dân cư ở rải rác; có 5 tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh chạy qua (Đường QL17, đường tỉnh 298, 294, 295, 297); phía Đông có sông Thương là tuyến đường thuỷ quan trọng đi qua địa phận của huyện.

Tân Yên nằm gần vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc: “Tam giác kinh tế phát triển” Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; cách thủ đô Hà Nội 60 km về phía Tây, cách thành phố Thái Nguyên 50 km về phía Tây Bắc và nằm sát thành phố Bắc Giang ở phía Nam là điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế - văn hoá, khoa học công nghệ giữa các địa phương trong và ngoài huyện.



Hình 1: Vị trí huyện Tân Yên trong tỉnh Bắc Giang

1.2. Địa hình

Huyện Tân Yên có địa hình đồi núi thấp, thoải thoải hướng Tây Bắc - Đông Nam mang đặc trưng địa hình bán sơn địa, được chia thành 3 vùng là:

- + Vùng đồi núi thấp nằm ở phía Đông và phía Bắc.
- + Vùng trung du nằm ở phía Tây.
- + Vùng thấp ở phía Nam.

Độ cao trung bình của huyện từ 10 - 15 m so với mực nước biển, điểm cao nhất là núi Đót 121,8 m (thuộc xã Phúc Sơn), điểm thấp nhất 1,0 m (thuộc cánh đồng Chủ, xã Quế Nham). Địa hình đồng bằng chiếm khoảng 60,3%, địa hình đồi núi chiếm khoảng 39,7%.

1.3. Khí hậu

Huyện Tân Yên chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa nóng ẩm, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nền nhiệt độ được phân hoá theo mùa khá rõ rệt, trong năm có 4 tháng nhiệt độ trung bình nhỏ hơn 20°C (tháng 12 đến tháng 3 năm sau); tổng tích ôn đạt trên 8.500°C , đây là yếu tố thích hợp cho việc bố trí cơ cấu cây trồng ngắn ngày tương đối đa dạng, đặc biệt đối với một số rau màu thực phẩm ưa nền nhiệt thấp và các loại cây ăn quả nhiệt đới.

- Lượng mưa bình quân hằng năm 1.476 mm nhưng phân bố không đồng đều. Mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 5 cho đến tháng 10, lượng mưa chiếm khoảng 85% tổng lượng mưa cả năm, đặc biệt tập trung vào các tháng 7, 8, 9 nên thường gây úng ngập cục bộ ở các vùng thấp trũng.

- Độ ẩm không khí bình quân cả năm khoảng 81%, tuy nhiên trong mùa khô, độ ẩm trung bình giảm khá mạnh chỉ còn khoảng 77%.

- Gió: chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, nhiệt độ hạ thấp $10^{\circ} - 12^{\circ}\text{C}$ ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp.

- Bão có 3-4 cơn bão trong năm, bão thường đi kèm các cơn mưa lớn từ 200 - 300 mm gây thiệt hại đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

1.4. Địa chất công trình

Qua khảo sát và thực tế xây dựng các công trình, khả năng chịu lực của nền đất tại khu vực gò, đồi là tương đối tốt, xây dựng công trình thấp ít phải gia cố đặc biệt, tuy nhiên khi xây dựng trên vùng đất ruộng cần tiến hành khảo sát chi tiết để có giải pháp hợp lý về móng.

1.5. Địa chất thủy văn

Kết quả khảo sát địa chất thủy văn ở lỗ khoan thăm dò sâu 30m như sau:

| | |
|--------------------|----------------------------|
| + Mục nước tĩnh | : Ht = 2,4m |
| + Mục nước động | : Hđ = 10,5m |
| + Mục nước hạ thấp | : S = 8,1m |
| + Lưu lượng giếng | : Q = 8,9m ³ /h |

Qua kết quả thí nghiệm 01 mẫu nước phân tích toàn phần cho thấy: Thành phần nước đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt. Tuy nhiên, chỉ tiêu cặn tan còn quá lớn (quá giới hạn cho phép) làm ảnh hưởng đến độ trong và độ màu của nước, cần có biện pháp xử lý.

(Nguồn: quy chuẩn xây dựng Việt Nam - tập III), ban hành theo Quyết định 439/BXD - CSXD ngày 25/9/1997 của Bộ Xây dựng)

1.6. Thủy văn

Huyện Tân Yên có sông Thương chảy qua chạy theo hướng Đông Nam, trong nội địa có ngòi Phú Khê và ngòi Đa Mai chảy qua.

- Sông Thương dài 187 km, bắt nguồn từ đầu Bản Thỉ tỉnh Lạng Sơn chảy về Phả Lại có diện tích lưu vực là 3.650 km², đoạn qua Tân Yên dài khoảng 20km bắt

đầu từ xã Phúc Hoà và qua các xã Hợp Đức, Liên Chung, Quế Nham. Đê được hình thành bồi đắp qua nhiều thế hệ, đi qua nhiều khu vực có địa hình phức tạp, nhiều đoạn có địa chất nền yếu, lòng sông uốn khúc quanh co hướng dòng chủ lưu thay đổi liên tục, có đoạn đổi hướng gần 90° .

- Ngòi Phú Khê dài 36 km bắt nguồn từ xã Lan Giới chảy qua các xã: Đại Hoá, Quang Tiến, An Dương, Ngọc Châu, Ngọc Lý, Việt Lập, Liên Chung chảy ra sông Thương tại bến đò Mom (K14+650 đê Hữu Thương) lòng ngòi bình quân về mùa kiệt từ 15 ÷ 20m.

- Ngòi Đa Mai chảy qua các xã Phúc Sơn, Lam Cốt, Việt Ngọc, Song Vân, Ngọc Thiện, Ngọc Vân thuộc địa phận Tân Yên, có chiều dài 26km.

- Ngòi Cầu Liêng qua xã Tân Trung, Phúc Hòa, Hợp Đức dài 8 km chảy ra sông Thương.

1.7. Địa chấn

Theo tài liệu dự báo của Viện Vật lý địa cầu thuộc Viện Khoa học Việt Nam, khu vực nghiên cứu thiết kế nằm trong vùng dự báo có động đất cấp 7. Vì vậy cần có giải pháp hợp lý về kết cấu công trình khi xây dựng.

1.8. Tài nguyên thiên nhiên

a. Tài nguyên đất: Được hình thành do phong hoá đá mẹ và phù sa sông bồi tụ. Tổng diện tích tự nhiên là 20.834,11 ha, trong đó diện tích đã được điều tra lập bản đồ thổ nhưỡng là 16.018 ha chiếm 76,88% tổng diện tích tự nhiên.

- *Nhóm đất phù sa:* Chủ yếu ở vùng trũng, thấp, được bồi đắp bởi phù sa của sông Thương có diện tích 2.431 ha, chiếm 15,18% diện tích điều tra và chiếm 11,67% diện tích tự nhiên

- *Nhóm đất xám, bạc màu:* Có 8.882 ha, chiếm 42,63% diện tích điều tra và chiếm 42,99% diện tích tự nhiên

- *Nhóm đất Feralitic:* Có 7 loại với 4.705 ha, chiếm 22,58% diện tích điều tra và chiếm 22,77% diện tích tự nhiên. Phân bố chủ yếu ở địa hình đồi núi, được phát triển trên nền phù sa cổ, dăm cuội kết và cát kết, phiến thạch sét.

b. Tài nguyên nước

- Nước mặt bao gồm các sông chính như: hệ thống Nông Giang, sông Thương, sông Máng, suối Cầu Đồng, ngòi Đình Vòng, kênh 5 và 78 hồ đập lớn nhỏ nằm rải rác trong huyện, cung cấp nước phục vụ sản xuất và nước sinh hoạt cho nhân dân trong toàn huyện.

- Nước ngầm: Hiện chưa có tài liệu cụ thể nghiên cứu về trữ lượng nước ngầm, nhưng qua khảo sát sơ bộ tại một số giếng nước trong vùng cho thấy mực nước ngầm nằm ở độ sâu 6 - 15 m, có thể khai thác dùng cho sinh hoạt của nhân dân.

c. Tài nguyên rừng: Theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2014 diện tích đất rừng sản xuất của huyện là 1.065,63 ha, chiếm 5,11% diện tích tự nhiên. Một phần diện tích rừng hiện nay thuộc loại rừng non tái sinh, chất lượng và trữ lượng thấp chỉ có tác dụng cung cấp chất đốt.

d. Tài nguyên du lịch: Bao gồm cả hai loại hình là du lịch tự nhiên và du lịch nhân văn. Hình thành 3 tuyến thăm quan du lịch theo chủ đề:

- Về truyền thống Thượng võ: Trọng tâm là cụm di tích các xã Ngọc Châu, Song Vân, Phúc Sơn, An Dương.

- Về truyền thống văn hoá khoa bảng: Trọng tâm là cụm di tích ở Việt Lập, Cao Thượng, Liên Chung, Quế Nham.

- Về truyền thống cách mạng: Trọng tâm là di tích lịch sử tại các xã, thị trấn: thị trấn Nhã Nam, Tân Trung, Quang Tiến, Lan Giới, Phúc Sơn.

e. Tài nguyên nhân văn: Là vùng đất có truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước và truyền thống cách mạng. Nhân dân trong huyện có tinh thần đoàn kết yêu quê hương, có đức tính cần cù, chăm chỉ, vượt qua khó khăn gian khổ để từng bước đi lên. Tuy nhiên, là huyện miền núi, dân cư trong nông thôn chiếm tỷ lệ cao, lao động chủ yếu là nông nghiệp, trình độ tay nghề và kinh nghiệm quản lý còn hạn chế, ảnh hưởng đến sự phát triển chung của toàn huyện.

2. Thực trạng phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn

2.1. Tình hình phân bố dân cư và tình hình đô thị hoá

Dân cư phân bố không đồng đều, tập trung chủ yếu tại thị trấn và trung tâm các xã. Mật độ dân số trên tổng diện tích đất tự nhiên dao động khá lớn.

Tỷ lệ đô thị hoá của huyện Tân Yên hiện nay khoảng 5,7%. Tốc độ đô thị hoá tăng chậm trong vòng 4 năm gần đây. Khu vực các xã chịu sự tác động mạnh của quá trình đô thị hóa bao gồm: Xã Việt Lập, xã Ngọc Thiệp, Ngọc Vân. Đây là tiền đề, cơ hội cho các xã hình thành đô thị trong tương lai.

2.2 Thực trạng phát triển hệ thống đô thị

a. Quy mô các đô thị

Huyện Tân Yên có 02 thị trấn là thị trấn Cao Thượng và thị trấn Nhã Nam. Trung tâm hành chính huyện hiện nay (trụ sở Huyện ủy - HĐND - UBND) nằm trên địa bàn thị trấn Cao Thượng.

Thị trấn Cao Thượng có quy mô diện tích không đạt theo diện tích tối thiểu tại Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, tiêu chí về dân số đạt.

Thị trấn Nhã Nam có quy mô diện tích không đạt theo quy định tại Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13, tiêu chí về dân số đạt.

b. Chất lượng đô thị

Hiện tại thị trấn Cao Thượng là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội của huyện Tân Yên, khu vực phát triển dịch vụ, thương mại kết hợp công nghiệp. Có lợi thế về giao lưu hàng hoá trong khu vực và vùng lân cận. Nhiều cơ sở hạ tầng và kinh tế xã hội được đầu tư xây dựng khá đồng bộ. Kết nối, giao lưu giữa trung tâm huyện với các xã thuận tiện.

Thị trấn Nhã Nam đến nay các công trình công cộng, dịch vụ thương mại, văn hóa, thể thao, trường học cơ bản đã được xây dựng, bộ mặt khu trung tâm đô

thị tương đối sầm uất. Tuy nhiên cũng còn nhiều khu vực vẫn là mô hình ở nông thôn, cơ sở hạ tầng hạn chế, chất lượng chưa cao, công trình văn hóa - thể thao mới chỉ ở quy mô cấp xã, khu vui chơi giải trí phục vụ đời sống tinh thần cho người dân và tạo môi trường cảnh quan đô thị còn thiếu so với yêu cầu.

c. Quản lý đô thị: đã lập quy hoạch chung và được phê duyệt, đã lập đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Nhã Nam mở rộng; các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết về cơ bản đã phủ kín trên địa bàn huyện. Việc quản lý đô thị ở mức độ quản lý hành chính, quản lý đất đai sản xuất và xây dựng đang từng bước được củng cố và quan tâm sát sao của các ban ngành do nhu cầu đầu tư ngày càng lớn của cả 2 đô thị, dần đáp ứng kịp với tốc độ phát triển kinh tế xã hội.

d. Mô hình phát triển và phân bố hệ thống đô thị trong huyện

Mạng lưới đô thị của huyện phân bố dạng chuỗi dọc theo đường QL 17.

** Thị trấn Cao Thượng:*

Là đô thị loại V, tiến tới đô thị loại IV trước năm 2030; dân số thị trấn đến tháng 4/2019: 13.223 người.

Tính chất: Thị trấn Cao Thượng là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của huyện Tân Yên.

Là khu vực phát triển dịch vụ, thương mại kết hợp công nghiệp. Có lợi thế về giao lưu hàng hoá trong khu vực và vùng lân cận.

**. Thị trấn Nhã Nam:*

Hướng đến là đô thị loại V trước năm 2025. Dân số thị trấn đến tháng 4 năm 2019: 8.043 người.

Tính chất: Là trung tâm kinh tế, văn hóa và kết hợp phát triển các khu nhà ở, thương mại dịch vụ.

2.3. Thực trạng phát triển dân cư nông thôn

Huyện Tân Yên hiện có 20 xã gồm Lan Giới, Tân Trung, Đại Hóa, Quang Tiến, Phúc Sơn, An Dương, Phúc Hòa, Liên Sơn, Hợp Đức, Lam Cốt, Cao Xá, Việt Ngọc, Song Vân, Ngọc Châu, Ngọc Vân, Việt Lập, Liên Chung, Ngọc Thiện, Ngọc Lý, Quế Nham.

Là huyện có phần lớn dân cư là nông thôn, tỷ lệ dân số nông nghiệp lớn. Dân cư nông thôn phân bố khá đều ở phía Đông và phía Tây huyện. Trung tâm các xã tập trung chủ yếu trên các trục lộ chính và các tuyến tỉnh lộ 294, 295, 298, QL17, các tuyến đường huyện. Dân cư phần lớn sống bằng nghề sản xuất nông nghiệp, công nhân nhà máy các cụm công nghiệp.

3. Hiện trạng dân số: Dân số trung bình của huyện là 180.483 người; trong đó: Nữ có 90.331 người, chiếm 50,05% tổng dân số. Mật độ dân số bình quân 854 người/km², dân số nông thôn chiếm 87,94% và dân số thành thị 12,06%; tốc độ tăng trưởng dân số giai đoạn 2010-2020 đạt 1,013%/năm. Dân số phân bố không đồng đều giữa các xã trong huyện; đơn vị hành chính có số dân đông nhất là TT.Cao Thượng (13.603 người), xã có dân số ít nhất là xã Lan Giới (4.001 người).

4. Hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai

- Diện tích đất nông nghiệp có 16.024,85 ha, chiếm 76,92 % diện tích đất tự nhiên.

- Diện tích đất phi nông nghiệp có 4.726,68 ha, chiếm 22,69 % diện tích đất tự nhiên.

- Diện tích đất chưa sử dụng có 82,47 ha, chiếm 0,39 % diện tích đất tự nhiên.

** Đánh giá hiện trạng sử dụng đất:*

Các loại đất đã được sử dụng trên toàn huyện chiếm 99,61%, phần lớn đất đã được sử dụng ổn định và có hiệu quả. Quỹ đất được dành cho phát triển các ngành, các lĩnh vực đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho xây dựng các cụm công nghiệp, dịch vụ, du lịch và dân cư. Góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, ổn định tình hình xã hội của huyện, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

Đồng thời, diện tích đất nông nghiệp trong huyện lớn đảm bảo cho phát triển sản xuất nông nghiệp đa dạng, môi trường sinh thái an toàn làm cơ sở cho quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Để xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển đô thị, phát triển các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, thương mại và cơ sở hạ tầng các công trình công cộng, một số loại đất đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất, về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

5. Hiện trạng hạ tầng xã hội

5.1. Nhà ở

a. Khu vực đô thị gồm thị trấn Cao Thượng, thị trấn Nhã Nam và dọc các tuyến đường Quốc lộ, tỉnh lộ.

Do người dân tự xây dựng, tầng cao trung bình từ 1-3 tầng, diện tích xây dựng mỗi căn nhà từ 120-150 m², chủ yếu phát triển trên các trục giao thông QL, tỉnh, huyện với kiểu nhà đặc trưng là nhà lô phố kết hợp giữa ở và kinh doanh thương mại. Tuy nhiên, do năng lực tài chính, mục đích sử dụng và thẩm mỹ về kiến trúc nhà ở của mỗi chủ sở hữu khác nhau nên khi xây dựng thường không có sự đồng nhất về kiểu dáng, quy mô.

b. Khu vực nông thôn: Được xây dựng kiên cố đối với nhà ở, công trình phụ trợ đa phần xây dựng bán kiên cố phục vụ cho các hoạt động sản xuất.

5.2. Các công trình cơ quan hành chính

Hiện trạng các cơ quan, công trình hành chính của huyện Tân Yên đa số đều nằm trên địa bàn thị trấn Cao Thượng.

5.3. Hiện trạng các công trình Quốc phòng An ninh

Trên địa bàn huyện có một số công trình về Quốc phòng - An ninh, cơ bản các hạng mục được xây dựng kiên cố, đảm bảo công tác Quốc phòng an ninh tại địa phương.

6. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6.1. Hiện trạng đường giao thông

a. Hiện trạng mạng lưới đường bộ

Quốc lộ: có đường Quốc lộ 17 chạy qua, chiều dài 18,7 km.

Tỉnh lộ: Có 05 tuyến đường tỉnh chạy qua với tổng chiều dài 47,9km, gồm đường tỉnh 295, 298, 297, 294, Việt Tiến - Song Vân.

Huyện lộ: Có 5 tuyến đường huyện dài 42,29 km, đã cứng hóa 100% trong đó 3 km đường bê tông nhựa (7,09%), 24,89 km đường láng nhựa (58,86%), 14,4 km đường BTXM (34,05%).

Đường xã: Hệ thống đường xã có tổng chiều dài 197,67 km/22 xã (trung bình 8,98 km/xã); Tỷ lệ cứng hóa đường xã đạt 98,76%, chất lượng tương đối tốt, tuy nhiên quy mô đường nhỏ hẹp, chủ yếu đạt GTNT loại B, nhiều tuyến chưa vào cấp, hệ thống cầu công, chưa đồng bộ, có tải trọng thấp.

Đường giao thông ngõ xóm, nội đồng: Tổng chiều dài đường trục thôn đã cứng hóa 522,37km/528,61km (tỷ lệ cứng hóa đạt 98,82%); đường ngõ, xóm đã cứng hóa 326,55/373,41 (tỷ lệ cứng hóa đạt 87,45%); đường trục chính nội đồng đã cứng hóa 110,19/425,43 (tỷ lệ cứng hóa đạt 25.90%).

Bến xe: Có 2 bến xe: Bến xe thị trấn Cao Thượng và bến xe thị trấn Nhã Nam.

Đường đô thị: Chủ yếu tập trung tại thị trấn Cao Thượng và thị trấn Nhã Nam, ngoài ra có một số km đường đô thị tại Bỉ; tổng chiều dài khoảng 21,2 km, các trục đường chính đô thị chủ yếu là các đoạn tuyến quốc lộ, đường tỉnh đi qua trung tâm thị trấn như QL.17, ĐT.295, ĐT.294 và ĐT.298.

Đường nội thị và đường các khu dân cư đã được cứng hóa 100% đảm bảo phục vụ nhu cầu đi lại của người dân.

b. Hiện trạng mạng lưới đường thủy

- Đường thủy: Trên địa bàn có Sông Thương chảy qua với chiều dài 20 km (qua các xã Phúc Hòa, Hợp Đức, Liên Chung, Quế Nham, Việt Lập), sông có luồng lạch tương đối ổn định, thuận lợi cho vận tải; Số lượng bến khách ngang sông có 02 bến tại xã Liên Chung, đảm bảo các điều kiện về an toàn. Loại phương tiện đò ngang hiện có chủ yếu là vỏ thép; có đăng kiểm đủ điều kiện an toàn hoạt động, người điều khiển phương tiện đều có bằng hoặc chứng chỉ chuyên môn. Các bến thủy nội địa nằm trong quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa tỉnh Bắc Giang. Bến hàng hoá (bãi vật liệu xây dựng): đều đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động theo quy định.

- Vận tải: Theo quy hoạch, trên địa bàn huyện có 02 bến xe khách tại 2 thị trấn. Hiện tại trên các tuyến đường tỉnh lộ 294, 295, 298, Quốc lộ 17 nằm trên địa bàn huyện đều được bố trí các điểm dừng, đỗ trả khách cho xe buýt và điểm phục vụ đưa đón công nhân làm việc tại các khu công nghiệp.

- Bến bãi: Các bến có khả năng bốc xếp hàng hóa (chủ yếu là VLXD): Bến VLXD Đông Bến, bến đò Mom, bến đò Đồng tại xã Liên Chung. Đường lên xuống

chủ yếu là tự nhiên, chưa cứng hoá, đi lại khó khăn, mất an toàn, nhất là vào mùa mưa; thiếu hệ thống thông tin biển báo; phương tiện vận chuyển nhỏ, thô sơ.

6.2. Hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật

a. *Hiện trạng san nền*: Là huyện trung du miền núi nên địa hình của huyện đa dạng phức tạp, chia thành ba vùng chính: rừng núi, đồi gò và đồng bằng. Trong khu vực xây dựng hiện trạng trên nền đất tự nhiên, công tác san nền chủ yếu là tự cân bằng đào đắp trong phạm vi quy mô công trình. Ít khu vực phải san gạt địa hình lớn khi xây dựng.

b. *Hiện trạng thoát nước mặt*: Hướng thoát nước chính của toàn huyện là Tây Bắc - Đông Nam thoát nước ra Sông Thương, lưu vực thoát nước được phân chia dựa trên hướng thoát nước của các tuyến kênh, ngòi trên địa bàn huyện.

** Hệ thống thoát nước đô thị:*

Hai thị trấn Cao Thượng và Nhã Nam đã có hệ thống thoát nước cho các tuyến đường phố, tuy nhiên hệ thống này vẫn thu gom cả nước thải của các hộ dân. Kích cỡ các tuyến cống từ B400, D600-D1250.

Một số tuyến đường chính có tuyến cống thoát nước (QL17, TL295, TL 298, TL 294, TL 297...) còn lại chủ yếu thoát nước theo địa hình, thoát ra khu vực trũng và sông Thương.

* *Hệ thống thoát nước nông thôn*: Tại khu vực nông thôn, có một số tuyến đường trục chính có cống thoát nước, còn lại hầu như nước mưa đều tự chảy theo địa hình tự nhiên vào các ao, hồ, đồng ruộng và mương thủy lợi hoặc qua hình thức tự thấm.

6.3. Hiện trạng hệ thống thủy lợi, đê điều

** Về đê*: Toàn huyện có 40,2 km đê, trong đó:

- Đê cấp III Hữu Thương: Chiều dài 30,2 km từ K0 ÷ K30+200: Cao trình mặt đê từ (8,80 ÷ 9,5) m; mặt đê rộng từ (4,5 ÷ 9,0)m; mặt đê toàn tuyến cơ bản đã được gia cố cứng hoá rộng từ (3,5-:- 5m), dày từ (20-:-25cm), đảm bảo an toàn cho đê, thuận tiện cho công tác kiểm tra công trình phòng chống lụt bão và giao thông qua lại trên tuyến đê này.

- Đê bồi tổng chiều dài 10 km thuộc các xã: Quế Nham, Ngọc Lý: Đê bồi có cao trình mặt đê từ 5-7 m; mặt đê rộng từ 4,0 ÷ 6,0 m; mặt đê toàn tuyến cơ bản đã được gia cố cứng hoá, giải cấp phối đá rậm đảm bảo an toàn cho đê, thuận tiện cho công tác kiểm tra công trình phòng chống lụt bão và giao thông qua lại trên tuyến đê này.

Các tuyến đê trên địa bàn huyện là đê chống lũ đồng thời kết hợp là đường giao thông, hàng năm được quan tâm tu bổ nâng cấp đến nay đều đảm bảo khả năng chống lũ ở mức thiết kế, mặt các tuyến đê cấp 3, đê bồi cơ bản đã được bê tông nhựa hóa và thuận lợi cho việc giao thông đi lại.

** Về kè*: có 13 kè, trong đó đê cấp III có 6 kè, kênh chính 7 kè:

Kè đê cấp III:

+ Kè Bến Tuần: K5+850 - K6+000: Được xây dựng năm 2015 với hình thức hộ chân, lát mái $\nabla_{\text{đỉnh kè}} = +4,10$, $\nabla_{\text{chân kè}} = +2,00$, hiện tại kè ổn định.

- Kè Bãi Bưởi: K6 + 275 ÷ K6 + 730: Được xây dựng cuối năm 2007, $\nabla_{\text{đỉnh kè}} = +4,00$, $\nabla_{\text{chân kè}} = +2,00$, được sửa chữa và nối dài hai đầu kè năm 2009, hiện tại kè ổn định.

- Kè Làng Bền: K8 + 254 - K8+521: Được xây dựng năm 2009 $\nabla_{\text{đỉnh kè}} = +10,00$, $\nabla_{\text{chân kè}} = +2,00$, mùa lũ năm 2011 kè bị tụt lún, tháng 12/2011 đã được đầu tư kinh phí xử lý khẩn cấp, hiện tại kè ổn định.

+ Kè Lãn Chanh 1: K10 + 400 ÷ K10 + 450: hiện tại kè hoạt động ổn định.

+ Kè Lãn Chanh 2: K12 + 080 ÷ K12 + 871: hiện tại kè ổn định.

+ Kè Đò Mom: K14+050 – K14+650: Kè được thi công năm 2013 với hình thức lãng thể đá đổ, hiện tại kè ổn định.

Kè kênh chính thủy nông Sông Cầu:

+ Kè Vân Cầu: K33+000 - Kênh chính: được xây dựng năm 2017 tại xã Song Vân, hiện tại kè đang hoạt động ổn định.

+ Kè Bi: K37+800 - Kênh chính: được xây dựng năm 2002 tại xã Ngọc Thiện, hiện tại kè đang hoạt động ổn định.

+ Kè Non: K7+800 - Kênh N5 được xây dựng năm 1996 tại xã An Dương hiện tại kè đang hoạt động ổn định.

+ Kè Châu: K12+000 - Kênh chính: được xây dựng năm 2002 tại xã Ngọc Thiện, hiện tại kè đang hoạt động ổn định.

+ Kè Điểm Tổng: K49+000 - Kênh chính: được xây dựng năm 1990 tại xã Quế Nham, hiện tại kè đang hoạt động ổn định.

+ Bến Thôn: K52+600 - Kênh chính: được xây dựng năm 1984 tại xã Nhã Nam, hiện tại kè đang hoạt động ổn định.

Cống dưới đê: có 27 cống dưới đê, hiện tại hệ thống cống dưới đê đảm bảo tiêu thoát nước trong đồng và phòng chống lụt khi nước sông dâng cao.

Hồ đập, trạm bơm, kênh mương: Toàn huyện có 88 hồ đập nhỏ; 103 trạm bơm tưới, tiêu (4 trạm bơm tiêu do Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi Tân Yên quản lý; 665,7 km kênh tưới, tiêu (*kênh tưới 574,67 km đã kiên cố hóa được 352,56 km đạt 61,3%, còn 222,11 km là kênh đất; kênh tiêu dài 90,98 km đã kiên cố hóa được 29,1 km còn 61,88 km là kênh đất*).

6.4. Hiện trạng cấp nước

Hiện nay trên địa bàn huyện có thị trấn Cao Thượng và thị trấn Nhã Nam có trạm cấp nước sạch, còn lại 20 xã các hộ dân tự khoan giếng hoặc dùng nước mưa để sử dụng cho sinh hoạt.

Tại thị trấn Cao Thượng, nhà máy nước có công suất thiết kế khoảng 3000m³/ngđ, tuy nhiên công suất hoạt động mới đạt 40%. Nguồn nước lấy từ Sông

Thượng, tỷ lệ các hộ dân được cấp nước đạt khoảng 85%. Thị trấn Nhã Nam có nhà máy nước của Công ty cổ phần phát triển cộng đồng thế giới công suất 4000m³/ngày đêm, nguồn nước khai thác từ nước mặt sông Sỏi huyện Yên Thế, tỷ lệ các hộ dân được cấp nước đạt khoảng trên 85%.

** Đánh giá hiện trạng cấp nước:*

Nhìn chung đối với 2 thị trấn Cao Thượng và thị trấn Nhã Nam, tỷ lệ số hộ dân được cấp nước đạt tỷ lệ tương đối cao, chất lượng nước sinh hoạt đảm bảo tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt của Bộ Y tế.

Riêng đối với khu vực nông thôn, gồm 20 xã còn lại do chưa có hệ thống cấp nước sạch tập trung, các hộ dân tự khai thác nguồn nước ngầm mạch nông, hoặc qua giếng đào lộ thiên nên tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm nguồn nước, mất vệ sinh.

6.5. Hệ thống cấp điện

Hiện trạng hệ thống cấp điện khu vực huyện Tân Yên được cấp điện thông qua Lộ 375 của trạm 110 kV khu công nghiệp Đình Trám huyện Việt Yên và Lộ 377 của trạm 110kV thị trấn Cầu Gò huyện Yên Thế cấp về huyện Tân Yên đến trạm trung gian tại thôn Trung Lương xã Cao Xá sau đó cấp cho thị trấn Cao Thượng mở rộng; Ngoài ra còn có Lộ 483 E7.16 từ huyện Hiệp Hoà cũng là nguồn cấp cho thị trấn Cao Thượng thông qua trạm trung gian tại thôn Trung Lương xã Cao Xá. Hiện nay trên địa bàn các thị trấn và các xã có 275,8km đường dây trung áp; 805,1km đường dây hạ áp; trạm biến áp phân phối: 347 trạm với tổng công suất đạt 102.550kVA. Tỷ lệ cấp điện trên địa bàn đạt 100%.

Trong thời gian tới huyện sẽ triển khai khá nhiều dự án Khu, cụm công nghiệp mới nên trong giai đoạn tới cần quy hoạch, đầu tư xây dựng thêm hệ thống trạm 220KV, 110KV để đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp.

Đường dây phân phối trung áp mang tải cao, độ dự phòng thấp, khả năng hỗ trợ liên kết giữa các trạm 110kV còn hạn chế. Lưới điện hạ áp một số khu vực chất lượng kém, đã xuống cấp; tổn thất điện

6.6. Bưu chính, viễn thông

Mạng bưu chính huyện Tân Yên đã phát triển rộng khắp, 100% số xã, thị trấn có điểm phục vụ. Công tác ngầm hóa, chỉnh trang, bố gọn cáp viễn thông được rút toàn bộ cáp đồng hiện không sử dụng trên địa bàn toàn huyện; triển khai bố gọn, chỉnh trang cáp mạng viễn thông trên các tuyến phố tại địa bàn thị trấn Cao Thượng, thị trấn Nhã Nam góp phần xây dựng 02 thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị.

Các khu dân cư và tại 2 đô thị có hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động tương đối hoàn chỉnh với đầy đủ các hạng mục như: Bể cáp, ganivo, hệ thống đường ống đi ngầm chờ sẵn đủ không gian và tiết diện cho các nhà mạng cung cấp đồng thời các dịch vụ viễn thông.

6.7. Trường học, bệnh viện, trung tâm y tế

- Về trường học: duy trì quy mô 76 trường, trong đó có 25 trường mầm non cấp cơ sở, 24 trường tiểu học, 23 trường trung học cơ sở với tổng số 1.313 lớp,

41.563 học sinh và 2.147 giáo viên, gồm 25 trường mầm non công lập, 24 trường tiểu học, 23 trường trung học cơ sở, 4 trường trung học phổ thông.

- Về Y tế: 24 xã thị trấn (trước khi sáp nhập) đã có trạm y tế.

+ Có 01 Trung tâm Y tế huyện nằm ở phố Hoàng Hoa Thám, thị trấn Cao Thượng; tổng diện tích sử dụng đất là 32.445,7 m², gồm 4.199,7m² đất thuộc Trung tâm Y tế (cũ) và 28.246 m² đất thuộc Bệnh viện đa khoa (cũ).

Ngoài ra, có 3 phòng khám đa khoa tư nhân: Phòng khám đa khoa Anh Quát (KĐT An Huy thị trấn Cao Thượng), phòng khám đa khoa Ngọc Thiện (thôn Bì, xã Ngọc Thiện), Phòng khám đa khoa Phúc Thương (đường 284 xã Quế Nham). Các phòng khám đa khoa tư nhân đều có cơ sở hạ tầng, phòng chức năng đảm bảo theo đúng quy định.

CHƯƠNG IV. HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

1. Hệ thống chỉ huy PCTT và TKCN

Hệ thống Ban chỉ huy PCTT và TKCN xuyên suốt từ cấp huyện đến cấp xã được kiện toàn hàng năm. Chủ tịch UBND huyện quyết định thành lập, phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban PCTT và TKCN huyện; trong đó, Chủ tịch UBND huyện là Trưởng ban Ban chỉ huy PCTT và TKCN huyện phụ trách chung, trực tiếp chỉ huy công tác PCTT và TKCN trong huyện. Phó Chủ tịch UBND huyện là Phó Trưởng ban thường trực giúp Trưởng ban giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách về PCTT và TKCN. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện là cơ quan thường trực của Ban chỉ huy PCTT và TKCN huyện. Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT là Phó Trưởng ban phụ trách công tác phòng, chống thiên tai, tổ chức công tác phòng tránh, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

2. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ phòng chống thiên tai

Phương tiện, trang thiết bị TKCN chủ yếu của huyện hiện có:

- 12 xe cứu hộ các loại, 2 ca nô do công an, quân sự và cơ quan của huyện quản lý (12 xe công thuộc các cơ quan trong huyện khi cần thiết huy động: Công an, bệnh viện, Quân sự, UBND huyện).

- 800 phao áo cứu sinh, 1000 phao tròn cứu sinh.

- 4 máy phát điện, 6 máy cưa các loại, 7 bộ nhà bạt;

- 03 máy bơm công suất cao, 09 thiết bị chữa cháy.

Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện chỉ đạo các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn huyện hàng năm lập kế hoạch dự trữ hàng hóa thiết yếu để ứng phó thiên tai. Chủ động dự trữ gạo, mì gói, nước uống và các hàng hóa, nhiên liệu sẵn sàng ứng cứu khi có thiên tai xảy ra.

Trung Tâm y tế huyện tổ chức dự trữ đủ cơ số thuốc để chữa bệnh, khử khuẩn nước, tiêu độc khử trùng vùng thiên tai.

UBND các xã, thị trấn yêu cầu các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn chuẩn bị sẵn một lượng hàng tiêu dùng thiết yếu để cung cấp khi cần thiết; vận

động các hộ dân nơi thường bị cô lập do ngập lụt, dự trữ lương thực, thực phẩm đủ dùng trong 7 ngày; yêu cầu các doanh nghiệp xây dựng sẵn sàng thiết bị, xe máy để hỗ trợ ứng phó trong thiên tai khi cần thiết.

3. Công tác cứu hộ, cứu nạn

Các đơn vị lực lượng vũ trang của huyện: Ban chỉ huy Quân sự, Trường Biên phòng, Công an và các lực lượng đóng quân trên địa bàn huyện là lực lượng nòng cốt trong công tác phòng, chống thiên tai; tham gia phòng chống, ứng phó, sơ tán, giúp dân chằng chống nhà cửa, cứu hộ, cứu nạn, xử lý giờ đầu, khắc phục hậu quả sau thiên tai, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

Các cơ quan đơn vị, trên địa bàn huyện chủ động, sẵn sàng tham gia công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc cơ quan, đơn vị và chi viện cho các địa phương thường xuyên bị ảnh hưởng của bão, mưa lũ, ngập lụt và sạt lở đất.

UBND các xã, thị trấn có lực lượng xung kích PCTT tại địa bàn. Ở huyện, có tổ, đội xung kích của lực lượng Công an, Quân sự. Ở xã, có đội xung kích Phòng, chống thiên tai, lực lượng nòng cốt là dân quân tự vệ. Các đội xung kích PCTT cấp xã được củng cố, kiện toàn theo Quyết định số 08/QĐ-TWPCTT ngày 27/3/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai, có từ 70 - 80 người. Thành phần của Đội bao gồm Dân quân tự vệ tối thiểu (40), Công an xã (8), Hội Chữ thập đỏ (1), Hội Cựu chiến binh (3), Đoàn thanh niên (6), Hội Phụ nữ (2), Công chức địa chính - xây dựng (1), Công chức văn phòng - thống kê (1), Công chức văn hóa - xã hội (1), Y tế cấp xã (1) và cán bộ thôn hoặc tổ dân phố (6). Đội Xung kích PCTT cấp xã là lực lượng thường trực, thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo sự phân công của Trưởng ban Ban chỉ huy cấp xã.

Đối với các xã có đê có lực lượng quản lý điểm canh đê từ 3-5 người. Đây là một lực lượng trong công tác PCTT và TKCN có nhiệm vụ kiểm tra, phát hiện và xử lý giờ đầu về sự cố đê điều; tham gia xây dựng và triển khai thực hiện phương án hộ đê và phòng, chống lụt bão trên địa bàn.

Ngoài ra, UBND các xã, thị trấn còn huy động nhân lực và thiết bị của các doanh nghiệp trên địa bàn khi ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

4. Thông tin, truyền thông trong phòng, chống thiên tai

- Truyền tin về công tác chỉ đạo, chỉ huy: UBND các cấp và Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp có trách nhiệm phổ biến nội dung văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai đến cộng đồng và người dân. Phương thức truyền phát văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thông qua: Văn bản điện tử, fax, email, SMS, hệ thống truyền hình, phát thanh, hệ thống thông tin cảnh báo sớm, truyền đạt trực tiếp và các hình thức khác.

- Truyền tin về thiên tai và công tác chỉ đạo, chỉ huy đến tổ chức, cá nhân quản lý phương tiện hoạt động trên biển thông qua Đài phát thanh huyện, xã và các hệ thống thông tin khác của hộ gia đình, cá nhân.

5. Năng lực và nhận thức của cộng đồng trong phòng, chống thiên tai

Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện được thành lập hàng năm theo Luật Phòng chống thiên tai; có nhiệm vụ tham mưu cho UBND huyện quản lý hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, chỉ huy, điều hành trên phạm vi toàn huyện. UBND các xã, thị trấn thành lập Ban Chỉ huy PCTT và TKCN vào đầu năm và được kiện toàn khi có sự thay đổi thành viên. Các cơ quan chuyên môn huyện xây dựng kế hoạch PCTT của đơn vị và triển khai công tác PCTT và TKCN ở tại cơ quan, đơn vị.

BCH Quân sự huyện tham mưu chỉ đạo, tập huấn về công tác diễn tập rèn luyện kỹ năng trong công tác phòng, chống thiên tai. Hàng năm, Ban chỉ huy Quân sự huyện xây dựng kế hoạch hiệp đồng các đơn vị Trường Biên phòng, Trường Cao Đẳng sư phạm đóng trên địa bàn, tổ chức lực lượng, phương tiện, phân công khu vực khi ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

BCH Quân sự huyện định kỳ 5 năm tổ chức diễn tập PCTT và TKCN cấp huyện để rèn luyện công tác phối hợp chỉ huy và năng lực trong phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. từ đó năng lực phòng chống thiên tai của các cơ quan chuyên môn của huyện, UBND các xã thị trấn đã nâng lên một bước thông qua các hoạt động đào tạo, tập huấn, diễn tập, truyền thông hàng năm. Cán bộ, người dân có các hoạt động tích cực trong công tác phòng chống thiên tai. Các phương án ứng phó thiên tai, kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã được chú trọng rà soát, cập nhật. Công tác chuẩn bị phòng tránh thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ” được triển khai thực hiện tại các cấp, các ngành. Người dân dự trữ trước lương thực, nhu yếu phẩm đủ dùng trong 7 ngày khi có mưa lũ, bão.

6. Đánh giá năng lực các cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai

a) Hệ thống công trình phòng, chống thiên tai: Toàn huyện có tổng số 88 hồ đập nhỏ; 103 trạm bơm tưới, tiêu. Khi có nắng hạn kéo dài, nguồn nước từ các hồ chứa, các kênh trên địa bàn chưa đáp ứng cho nhu cầu sản xuất vẫn có tình trạng khô hạn cục bộ.

b) Hệ thống điện, thông tin liên lạc: bảo đảm thông tin liên lạc chỉ huy, điều hành phòng chống thiên tai trên toàn huyện

c) Hệ thống giao thông phục vụ cứu hộ, cứu nạn: Hệ thống giao thông đường bộ xuyên suốt từ tuyến Quốc lộ đến tỉnh lộ, giao thông nông thôn, đảm bảo cho công tác phòng chống giảm nhẹ thiên tai. Tuy nhiên, khi có lũ lớn kéo dài một số tuyến giao thông liên huyện, liên xã có khu vực vùng trũng bị ngập cục bộ khó khăn trong ứng phó thiên tai.

7. Đánh giá lực lượng phòng, chống dịch Covid-19

- Ngay khi dịch phát sinh, Huyện uỷ, UBND huyện, Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 huyện và các xã, thị trấn đã kích hoạt toàn bộ hệ thống chỉ đạo, điều hành thực hiện quyết liệt các biện pháp phòng chống dịch, quán triệt sâu sắc phương châm “*chống dịch như chống giặc*”, không chủ quan, lơ là. UBND huyện đã kiện toàn Ban Chỉ đạo và tổ giúp việc Ban chỉ đạo phòng chống dịch

Covid-19 huyện, thành lập 07 Tiểu ban do các đồng chí Phó Bí thư Huyện ủy, Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND huyện làm trưởng ban; giao trách nhiệm cho từng ban và từng thành viên để chủ động và trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ; thành lập Đội phản ứng nhanh về phòng chống dịch Covid-19; thành lập 03 tổ kiểm tra, giám sát khu cách ly tập trung.

- Chuẩn bị sẵn sàng mọi điều kiện, nguồn lực để kích hoạt các khu cách ly khi cần thiết, các xã, thị trấn chuẩn bị sẵn sàng các phương án tổ chức cách ly, khoanh vùng đáp ứng với các tình huống dịch bệnh, người trở về từ vùng dịch (*thời điểm cao điểm toàn huyện đã chỉ đạo kích hoạt 26 khu cách ly tập trung, cách ly y tế 01 xã và 43 khu dân cư*). Chỉ đạo quản lý chặt chẽ việc cách ly đối với các F1, F2 và các trường hợp đi về từ vùng dịch. Quản lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ khu cách ly tập trung, chỉ đạo thực hiện giãn cách, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm đảm bảo an ninh trật tự khu cách ly tập trung.

- Chỉ đạo hướng dẫn, hỗ trợ, giám sát doanh nghiệp duy trì sản xuất đảm bảo phòng chống dịch. Thành lập các tổ giám sát công tác phòng dịch tại các doanh nghiệp; khẩn trương rà soát để công nhân trở lại làm việc các khu công nghiệp của tỉnh. Riêng các doanh nghiệp trên địa bàn huyện cơ bản vẫn duy trì hoạt động bình thường, số ít công nhân thuộc các đối tượng F1, F2 phải nghỉ việc.

- Huy động cả hệ thống chính trị thực hiện tuyên truyền bằng nhiều hình thức, tham gia hỗ trợ công tác phòng chống dịch, tấn công, đẩy lùi dịch bệnh, không để dịch bệnh lây lan, kéo dài thời gian trên địa bàn.

8. Đánh giá về công tác phục hồi, tái thiết

- Ngay khi kết thúc các đợt thiên tai, Chủ tịch UBND huyện chỉ đạo các ngành thành viên kiểm tra, đánh giá thiệt hại, xác định ưu tiên và xây dựng kế hoạch khôi phục thiệt hại sau thiên tai, huy động nguồn lực tại địa phương, bao gồm ngân sách dự phòng, đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức và nhân dân tổ chức khôi phục sau thiên tai. Trường hợp nhu cầu vượt quá khả năng nguồn lực của địa phương, Chủ tịch UBND huyện báo cáo Chủ tịch tỉnh đề nghị hỗ trợ theo quy định.

- UBND huyện chỉ đạo quyết liệt, kịp thời công tác phục hồi, sửa chữa, khôi phục sản xuất sau thiên tai nhằm sớm ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân. Các cơ quan chuyên môn của huyện, ban ngành, đoàn thể, UBND các xã, thị trấn khẩn trương triển khai công tác khắc phục hậu quả thiên tai, đặc biệt là sự tham gia của lực lượng vũ trang, ban ngành đoàn thể trong công tác khắc phục sạt lở về đê điều, giao thông, kênh mương; cất nhà tạm cho dân... sớm ổn định cuộc sống người dân.

9. Nguồn lực tài chính

- Nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương để khắc phục hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhất là các tuyến đê Trung ương.

- Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và ngân sách cấp xã có bố trí kinh phí dự phòng cho công tác PCTT và TKCN để mua sắm vật tư, phương tiện phục vụ hoạt động ứng phó trong thiên tai; xử lý khắc phục công trình phòng chống thiên tai đã

xuống cấp, hư hỏng; xử lý sự cố giờ đầu đối với công trình PCTT.

- Ngoài ra, các cơ quan chuyên môn trang bị những điều kiện thiết yếu phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, khắc phục sự cố theo phương châm “bốn tại chỗ”.

CHƯƠNG V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THIÊN TAI

1. Độ lớn của thiên tai

Trong 10 năm gần đây hạn hán, bão, lũ lụt xảy ra 3-5 đợt trong năm; mực nước sông có thời điểm ở mức báo động 3 và trên báo động 3. Bên cạnh đó tác động của nước sông Thương thường xuyên biến động, tình trạng hút cát trọng trên sông Thương gây sạt lở bờ sông cũng thường xảy ra.

- **Về bão, áp thấp nhiệt đới:** Đánh giá cấp độ bão: Bão và áp thấp nhiệt đới thường xuất hiện vào mùa mưa từ tháng 6 – 9. Trung bình mỗi năm chịu tác động trực tiếp của 2 - 3 cơn bão. Những cơn bão mạnh, tốc độ di chuyển nhanh, đường đi phức tạp, khi vào địa bàn huyện thường gây tốc mái nhà, các công trình phụ, đổ cây cối, hoa màu.

- **Về lũ lụt:** Đánh giá cấp độ lũ lụt: Lũ lụt xảy ra trên phạm vi rộng, bình quân mỗi năm xảy ra 3 - 4 đợt lũ. 1-2 cơn bão tác động trực tiếp gây ngập cục bộ trên địa bàn.

- **Về hạn hán:** cơ bản trên địa bàn huyện trong những năm gần đây không xảy ra hạn hán kéo dài.

- **Lũ quét, sạt lở đất:** do đặc điểm nằm phía Tây Bắc của tỉnh xung quanh là đồi núi thấp địa hình bằng phẳng nên ít bị lũ quét và sạt lở đất.

- **Nắng nóng:** từ tháng 5 đến tháng 9.

- **Rét hại:** Thường xảy ra từ tháng 10 năm trước đến tháng 2 năm sau.

2. Các lĩnh vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai

Trong 05 năm gần đây từ năm 2015 – 2020, bão, lũ đã làm 2 người chết, 12 người bị thương; hơn 700 ngôi nhà, công trình phụ bị tốc mái, đổ tường. Cơ sở hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện, trường học bị ảnh hưởng. Thiệt hại vật chất trên 35 tỷ đồng. Hàng năm, vẫn có hiện tượng lúa, rau màu bị ngập úng cục bộ; ngô, cây ăn quả bị gãy đổ do gió lớn hoặc ngập úng. Ngoài ra, có một số diện tích thủy sản bị tràn bờ, vật nuôi chết chiếm tỷ lệ nhỏ.

3. Các khu vực có nguy cơ cao ảnh hưởng của thiên tai

- Khi có bão, dông, lốc: thì hầu hết các xã, thị trấn trong huyện bị ảnh hưởng, tuy nhiên tùy thuộc vào phân bố dân cư, hiện trạng nhà ở thì mức độ ảnh hưởng khác nhau.

- Sạt lở đất, lũ quét thường xảy ra ở các công trình đang thi công xây dựng trên địa bàn, các hồ, đập chứa nước như và khu vực khai thác đất, ...

- Sạt trượt bờ sông: theo thống kê trong thời gian vừa qua trên địa bàn huyện thường xuyên bị sạt trượt trên đê Sông Thương như: Km 4+500, Km 7+300, Km 12+300, Km13...

4. Nhận định về nguy cơ thiên tai và tình hình thời tiết hiện nay

Theo Viện khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, hiện nay biến đổi khí hậu dẫn tới những thay đổi về tần suất, cường độ, phạm vi không gian, và thời gian của các hiện tượng thời tiết và khí hậu cực đoan, có thể dẫn đến các hiện tượng thời tiết và khí hậu khắc nghiệt chưa từng thấy. Hiện tượng El Nino/La Nina tác động mạnh mẽ đến thời tiết, khí hậu Việt Nam. Theo diễn biến lịch ENSO trong 100 năm qua, tần suất và cường độ của El Nino và La Nina thể hiện xu thế tăng.

Số lượng bão và ATNĐ hoạt động trên biển Đông ở mức xấp xỉ so với TBNN, khoảng 11 -13 cơn (TBNN khoảng 12 cơn) và ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta cũng ở mức xấp xỉ so với TBNN, khoảng 5 - 6 cơn. Trong đó, Bắc Giang chịu ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp 2-3 cơn.

Đề phòng xuất hiện các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, sét, lốc trên phạm vi toàn huyện; gió mạnh trên biển do tác động gió mùa Tây Nam dự kiến ảnh hưởng muộn hơn các năm trước (từ tháng 8 đến tháng 9)

CHƯƠNG VI. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THIÊN TAI

I. Tổ chức phòng ngừa, giảm thiểu

1. Giải pháp phi công trình

1.1. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách

a) Hàng năm rà soát và ban hành quyết định kiện toàn Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và TKCN huyện và phân công nhiệm vụ thành viên nhằm huy động tối đa nguồn lực của các cơ quan, tổ chức tham gia công tác phòng, chống giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai.

b) Rà soát chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng chống thiên tai (thực hiện theo chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở giai đoạn 2020 - 2025 của Chính phủ).

c) Rà soát chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh

1.2. Kiện toàn tổ chức, bộ máy tăng cường năng lực quản lý thiên tai

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và TKCN các cấp đảm bảo năng lực hoạt động có hiệu quả

- Rà soát Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp nhằm tăng cường năng lực, hoạt động hiệu quả.

- Nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác phòng, chống thiên tai cấp huyện, cấp xã bằng các lớp đào tạo, tập huấn; dự kiến 5 lớp đào tạo/năm. Lực lượng PCTT được trang bị kiến thức về phòng, chống dịch, đồ bảo hộ y tế, được xét nghiệm, Test nhanh trước khi triển khai các hoạt động ứng phó thiên tai.

- Rà soát, xây dựng lực lượng xung kích PCTT cấp xã với lực lượng dân quân tự vệ làm nòng cốt theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT.

- Đầu tư trang thiết bị cho Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT và

TKCN các cấp thực hiện nhiệm vụ với diễn biến ngày càng phức tạp của thiên tai: Văn phòng làm việc, trang thiết bị họp trực tuyến, trang thiết bị văn phòng.

- Tăng cường năng lực và trang thiết bị cho lực lượng PCTT và TKCN: Mua sắm các trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác PCTT và TKCN.

- Hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc phòng chống thiên tai và TKCN. Trước mắt đảm bảo liên lạc thông suốt của Ban chỉ huy PCTT và TKCN từ huyện đến các xã, thôn, xóm.

- Rà soát cơ chế phối hợp giữa Ban chỉ huy PCTT và TKCN huyện với các Tổ chức chính trị, xã hội: Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ huyện cùng tham gia phòng chống thiên tai.

- Tổ chức diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, cấp xã. Cấp huyện tổ chức diễn tập 5 năm 1 lần; cấp xã tổ chức diễn tập 2 năm 1 lần.

- Thường xuyên rà soát, thống kê, quản lý chặt chẽ các trường hợp có yếu tố dịch tễ liên quan đến bệnh Covid-19 trên địa bàn. Khi phát sinh các loại hình thiên tai cùng với dịch bệnh Covid-19, nhanh chóng phân loại các đối tượng nguy cơ cao, trung bình, thấp để có phương án áp dụng các biện pháp về y tế và phòng chống thiên tai đảm bảo an toàn cho người dân.

- Đảm bảo 5k và các điều kiện phòng chống dịch trong các hoạt động sơ tán dân tại các điểm tránh trú an toàn.

- Đảm bảo an toàn về người, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc men, sinh phẩm tại khu điều trị, chăm sóc và khu cách ly người nhiễm bệnh dịch, đặc biệt với các bệnh viện dã chiến được dựng không kiên cố.

1.3. Lập, rà soát và thực hiện các kế hoạch, quy hoạch, phương án

a) Xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai.

b) Rà soát quy hoạch bố trí dân cư các vùng có nguy cơ thiên tai giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 nhằm xây dựng và thực hiện các dự án Tái định cư của tỉnh Bắc Giang, ổn định đời sống và sản xuất nhân dân.

c) Rà soát, cập nhật các phương án ứng phó thiên tai cấp huyện theo cấp độ rủi ro thiên tai: Cập nhật phương án ứng phó với bão; xây dựng và cập nhật phương án ứng phó lũ lụt; xây dựng và cập nhật phương án ứng phó hạn hán.

1.4. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo cấp huyện

Lắp đặt, xây dựng hệ thống quan trắc chuyên dùng phục vụ phòng chống thiên tai: tự động quan trắc mưa, đánh giá mực nước

Lắp đặt thiết bị cảnh báo các khu vực bị ngập sâu: ngầm tràn, trũng thấp; sạt lở đất

Các khu vực thường xuyên bị ngập sâu ngầm tràn đường giao thông; vùng trũng thấp ven sông, suối; khu vực có nguy cơ sạt lở đất được lắp đặt thiết bị cảnh báo, bảng cảnh báo.

Điều chỉnh, bổ sung quy trình vận hành các hồ chứa nước trên địa bàn huyện.

1.5. Nâng cao nhận thức, kiến thức phòng chống thiên tai cộng đồng

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng chống thiên tai

Thông qua các chương trình đào tạo, tập huấn do Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND huyện phối hợp tổ chức; lồng ghép các chương trình hội nghị, hội thảo các cấp.

b) Tổ chức thông tin, tuyên truyền về thiên tai thông qua hệ thống thông tin đại chúng. Nâng cao nhận thức và kiến thức của cộng đồng về phòng tránh thiên tai bằng các chương trình: truyền thông để phát thanh trên Đài Phát thanh huyện, cấp xã; phổ biến kiến thức PCTT trong nhà trường; tuyên truyền với hình thức báo chí, băng rôn, tờ rơi, chiếu phim, biểu diễn văn nghệ.

1.6. Ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp

a) Tái cơ cấu lĩnh vực trồng trọt, tăng năng suất cho cây trồng

Giai đoạn 2016- 2020 đã thực hiện chuyển 820 ha đất trồng lúa kém hiệu quả, đất vườn tạp sang trồng cây ăn quả. Chỉ đạo triển khai được 67 mô hình sản xuất công nghệ cao như: Nhà lưới, nhà màng, hệ thống tưới trên các đối tượng cây trồng.

Kế hoạch 2021 - 2025: Tiếp tục chuyển đổi chân vàn cao trồng các cây màu kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả. Áp dụng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm cho cây trồng, nhân rộng các mô hình nhà lưới, nhà màng...

b) Về lĩnh vực chăn nuôi

Rà soát, bổ sung quy hoạch chăn nuôi. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư chăn nuôi công nghệ cao, tiết kiệm nước và thân thiện với môi trường. Vận động xây chuồng nuôi khép kín, thực hiện tiêm phòng dịch bệnh đại trà. Hỗ trợ lắp đặt Biogas làm khí đốt, giảm phát thải khí nhà kính; thực hiện mô hình chăn nuôi trên đệm lót sinh học, tiết kiệm nước; sử dụng chất thải chăn nuôi.

Kế hoạch 2021 – 2025 tiếp tục thực hiện quy hoạch chăn nuôi và các giải pháp kỹ thuật trên. Ứng dụng công nghệ cao trong phát triển chăn nuôi trang trại tập trung, có liên kết chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ.

2. Giải pháp công trình

2.1 Đầu tư, nâng cấp công trình thủy lợi

a) Xây mới, sửa chữa, nâng cấp, bảo đảm an toàn các hồ chứa

Kế hoạch 2021 - 2025 đầu tư sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn 5-7 hồ trên địa bàn các xã: Tân Trung, Phúc Hòa, Hợp Đức, Việt Ngọc, Ngọc Thiện.

Đưa 89 công trình thủy lợi vào dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của huyện với tổng kinh phí là 151.358 triệu đồng.

b) Phòng, chống sạt lở bờ sông

Từ năm 2016 - 2020 đã tu bổ, nâng cấp 42,2 km đê, kè, trong đó đổ bê tông mặt đê: đê Trung ương 12,6 km, đê bồi 2,2km, phát quan san lấp ổ gà 14km. Chống sạt lở 6 khu vực thuộc các xã Liên Chung, Hợp Đức.

Kiên cố hóa kênh mương: Toàn huyện 665,7 km kênh tưới, tiêu giai đoạn 2016-2020 đã kiên cố được 215km nâng tổng số kênh cứng hóa trên địa bàn huyện

352,56km đạt 61,3%. Kế hoạch năm 2021 - 2025 kiên cố hóa tiếp 120km kênh mương tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Ngoài ra UBND huyện còn hỗ trợ xây dựng, cải tạo sửa chữa 3 tuyến đê bói, xử lý sự cố sạt trượt đê Đốc Tiến (Ngọc Lý) và một số công trình tham gia PCTT, kiên cố công trình trường học, hỗ trợ thiệt hại về sản xuất do thiên tai, cắt tỉa cây xanh đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão.

II. Biện pháp ứng phó

1. Trách nhiệm ứng phó với từng cấp độ rủi ro thiên tai

UBND cấp xã: Triển khai ứng phó với tất cả các cấp độ rủi ro thiên tai; có trách nhiệm báo cáo và đề nghị UBND cấp huyện hỗ trợ khi vượt quá năng lực chỉ huy và huy động nguồn lực tại địa phương.

UBND cấp huyện: Triển khai ứng phó với cấp độ rủi ro thiên tai cấp độ 1 xảy ra tại 2 xã trở lên và với tất cả các cấp độ rủi ro thiên tai vượt cấp độ 1; báo cáo và đề nghị UBND cấp tỉnh hỗ trợ khi vượt quá năng lực chỉ huy và huy động nguồn lực tại địa phương.

2. Công tác sơ tán dân về nơi an toàn

Căn cứ vào tình hình, dự báo, cảnh báo của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, Công điện của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo ứng phó với mưa lớn, lũ lụt, bão, áp thấp nhiệt đới, UBND huyện, các ngành, thành viên Ban chỉ huy PCTT-TKCN huyện, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng quân trên địa bàn, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

- Chuẩn bị tốt các điều kiện đảm bảo phòng chống dịch bệnh Covid-19 để huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ sơ tán người dân vùng vùng ngập lũ, vùng sạt lở đến nơi trú, tránh an toàn, quản lý chặt chẽ các đối tượng ra, vào vùng ngập lụt.

- Tổ chức cung cấp lương thực, nhu yếu phẩm, nước sạch cho người dân nơi sơ tán và vùng ảnh hưởng.

- Huy động đội ngũ y sĩ, bác sĩ tại chỗ, phương tiện, thuốc men để sơ cấp cứu, chăm sóc sức khỏe cho người dân nơi sơ tán và vùng ảnh hưởng.

- Tổ chức các đoàn, đội tình nguyện cứu trợ dân sinh, vệ sinh môi trường và phòng chống dịch bệnh nơi sơ tán.

3. Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc khẩn cấp

Các phương tiện thông tin, truyền thông tăng cường đưa tin về tình hình, ảnh hưởng của thiên tai đến chính quyền các cấp và nhân dân biết để chủ động phòng tránh, ứng phó.

Ưu tiên xử lý sự cố thông tin và duy trì thông tin liên lạc bằng tất cả các hệ thống tại UBND các cấp, Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN huyện, BCH PCTT-TKCN xã duy trì trực 24/24 h, ưu tiên bố trí nguồn điện và máy phát điện dự phòng của từng cơ quan, đơn vị.

Nếu các mạng Vinaphone, Mobifone, Viettel không liên lạc được thì dùng

các máy thông tin di động vô tuyến sóng ngắn Codan; hoặc sử dụng mạng thông tin chuyên dùng Inmarsat để phục vụ.

4. Triển khai công tác bảo đảm y tế

- Thành lập và bố trí các đội cấp cứu y tế lưu động (gồm: tổ y tế, tổ chuyển thương, tổ tìm kiếm, tổ vệ sinh dịch tễ, tổ cứu nạn và đội phòng, chống dịch lưu động) tại các địa phương để chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Trung tâm Y tế huyện phải thường xuyên chủ động rà soát, bổ sung đầy đủ kho dự trữ cơ sở thuốc, hóa chất, vật tư y tế và có phương án hỗ trợ của cấp trên kịp thời phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trong bối cảnh dịch Covid-19. Chuẩn bị đầy đủ cho cả trong khu cách ly tập trung của huyện và khu điều trị tại Trung tâm Y tế huyện.

- Các đội cấp cứu lưu động phải có y sĩ, bác sĩ, thuốc, hóa chất, quần áo bảo hộ và trang thiết bị và phương tiện cần thiết để sơ cấp cứu ban đầu bệnh nhân nơi sơ tán.

- Trạm y tế xã, thị trấn phối hợp các đội y tế lưu động kiểm tra sức khỏe, sơ cấp cứu người dân, phòng chống dịch bệnh trên địa bàn.

- Huy động tối đa khả năng đáp ứng của các cơ sở điều trị, đảm bảo ăn ở, chăm sóc người bệnh, các trường hợp phải cách ly.

- Thực hiện lấy mẫu xét nghiệm tầm soát theo kế hoạch đảm bảo an toàn phòng chống dịch. Củng cố, tăng cường vai trò hoạt động của Tổ Covid cộng đồng hoạt động thực chất, hiệu quả trong việc phối hợp truy vết, 4 tuyến truyền vận động, giám sát các trường hợp liên quan các ca bệnh F0 thực hiện nghiêm các quy định phòng, chống dịch.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện quyết liệt các biện pháp phòng chống dịch theo chỉ đạo của Trung ương và Tỉnh ủy, UBND tỉnh, BCĐ PCD Covid-19 của tỉnh, trong đó tập trung công tác quản lý, áp dụng biện pháp phòng chống dịch đối với người nhập cảnh và người đi về từ vùng có dịch trong nước, người liên quan đến các F; đảm bảo an toàn cho nhân dân an tâm phát triển kinh tế - xã hội.

5. Bảo đảm thoát nước đô thị

Tổ chức thực hiện thoát nước, chống ngập úng khu đô thị bao gồm: Kiểm tra, khơi thông cống, rãnh, hố ga bảo đảm dòng chảy được thông suốt; thu dọn cây cối, vật thải ở các tuyến đường để thông thoáng dòng chảy; Bố trí lực lượng, phương tiện, vật tư ở các tuyến đường, cống thoát nước để xử lý ngay sự cố.

Lắp dựng biển báo, thanh chắn, đèn tín hiệu, bố trí người trực canh ở các vị trí ngập nước, sự cố bảo đảm an toàn cho người, phương tiện giao thông.

6. Cung cấp nước sạch cho dân cư

- Thực hiện phương án bảo vệ an toàn cho công trình cấp nước, các giếng khoan khai thác nước dưới đất, đường dẫn cấp nước đến khu dân cư.

- Kiểm tra, bảo vệ an toàn các tuyến ống dẫn nước và thiết bị đến tận nhà dân, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục. Đối với vùng ngập lũ, sạt lở đường ống

cấp nước bị sự cố, tổ chức lực lượng khắc phục ngay để cấp nước liên tục.

- Tổ chức vận hành nhà máy cấp nước theo quy trình, bảo đảm an toàn, tiết kiệm khi xảy ra mưa lũ, bão.

- Khử trùng các giếng vùng ngập lụt

7. Triển khai phương án ứng phó với thiên tai

Triển khai Phương án ứng phó bão mạnh, siêu bão; Phương án ứng phó với lũ lụt; phương án ứng phó hạn hán.

a) Các công tác ứng phó bão, lũ lụt:

- Sơ tán người ra khỏi vùng ngập lụt, ảnh hưởng bão, nơi không bảo đảm an toàn; đặc biệt đối với đối tượng dễ bị tổn thương: trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người nghèo, người bị bệnh hiểm nghèo, người nghị nhiễm, bị nhiễm dịch bệnh Covid-19). Trên địa bàn huyện, các khu cách ly tập trung, bệnh viện điều trị chưa có lịch sử bị ảnh hưởng bởi thiên tai; vì vậy, xác định các địa phương có khả năng bị ảnh hưởng bởi tổ hợp thiên tai và dịch bệnh là các hộ gia đình nhất là các xã ven đê, các hộ có nhà cửa không kiên cố. Khi di dời người dân có yếu tố dịch tễ của bệnh Covid-19 cần thực hiện nghiêm ngặt các yêu cầu của cơ quan chuyên môn y tế và bố trí khu vực di dời riêng.

- Chằng chống nhà cửa, công sở, bệnh viện, trường học, kho tàng, công trình và cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng;

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ sản xuất: Thu hoạch lúa theo phương châm “*xanh nhà hơn già đồng*”, hoa màu, vật nuôi thủy sản; chằng chống chuồng trại, bảo vệ đàn gia súc, gia cầm; chuẩn bị giống cây trồng, vật tư phục vụ sản xuất;

- Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình đê điều, hồ đập, cống, kênh mương; công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội; công trình an ninh, quốc phòng bảo đảm an toàn;

- Cấm người, phương tiện đi lại khi gió bão, ngập lụt, sạt lở đất. Tổ chức trạm bảo vệ, chốt kiểm soát ngăn chặn giao thông và hướng dẫn trú, tránh an toàn.

- Bảo đảm thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai của UBND, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, các ngành trong mọi tình huống.

- Hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm tại nơi bị chia cắt, ngập lụt sâu và nơi sơ tán;

- Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội khu vực xảy ra mưa lớn, bão, lũ;

b) Các công tác ứng phó hạn hán:

- Tăng cường công tác dự báo về khô hạn, công tác truyền thông trên mọi phương tiện về tình hình hạn hán để nhân dân được biết, chủ động tham gia phòng chống hạn.

- Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo và diễn biến của hạn hán.

- Sử dụng các giống lúa mới, hoa màu ngắn ngày, chịu khô hạn, có năng suất; chuyển đổi trồng cây trồng cạn trên đất trồng lúa kém hiệu quả nơi thiếu nước tưới.

- Tăng cường quản lý nâng cao hiệu quả hoạt động đội ngũ cán bộ thủy nông, GTTL cấp xã để quản lý, điều tiết nước tưới nội đồng.

- Theo dõi chặt chẽ tình hình khô hạn, sử dụng nguồn cấp bù thủy lợi phí, ngân sách dự phòng của địa phương để thực hiện các giải pháp phòng chống hạn hán.

- Vận hành hợp lý các hồ chứa nước trong huyện, công trình cấp nước, ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt; sử dụng nước tiết kiệm, tưới nước tự động, chống thất thoát nước.

- Ưu tiên cung cấp điện và nhiên liệu cho các trạm bơm chống khô hạn;

8. Huy động nguồn lực cho công tác ứng phó thiên tai

Chủ tịch UBND các cấp quyết định huy động nguồn lực trên địa bàn để ứng phó thiên tai. Nguồn lực ứng phó thuộc các tổ chức, cơ quan, đơn vị các cấp trực tiếp quản lý bao gồm: nhân lực; vật tư, vật liệu, trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ; nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất; hệ thống liên lạc; nước sạch, thuốc khử trùng nước; lương thực chống đói và nguồn kinh phí dự phòng.

Trường hợp thiên tai xảy ra nghiêm trọng, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị huy động nguồn lực của tỉnh để hỗ trợ ứng phó.

III. Tổ chức khắc phục hậu quả, tái thiết sau thiên tai

1. Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu; khắc phục thiệt hại bước đầu

- Sau bão lũ, UBND huyện, xã tổ chức thăm hỏi, động viên và hỗ trợ đối với các gia đình có người chết, người bị thương do thiên tai; phân phát gạo cứu trợ, nhu yếu phẩm, hàng hóa cho nhân dân bị thiệt hại, không để người dân bị đói, bị rét khi cần thiết.

- Ban Chỉ huy Quân sự huyện chủ trì phối hợp UBND cấp xã, thị trấn, tìm kiếm người bị ảnh hưởng do thiên tai, sơ cấp cứu và đưa về cơ sở y tế điều trị; cùng lực lượng xung kích, dân quân tự vệ địa phương giúp nhân dân sửa chữa nhà cửa, làm nhà ở tạm, ổn định đời sống nhân dân.

- Phòng Y tế, Trung tâm Y tế huyện tập huấn kỹ thuật cấp cứu đuối nước, điện giật và cấp cứu chấn thương; xử lý ô nhiễm môi trường nguồn nước, các biện pháp phòng, chống dịch thường xảy ra trong và sau thiên tai cho các đội y tế cơ động. Phối hợp các đơn vị tuyên truyền, hướng dẫn các cán bộ tham gia công tác PCTT và các hoạt động cứu trợ sau thiên tai các biện pháp phòng chống dịch covid-19 trong thiên tai tìm kiếm cứu nạn.

Đảm bảo vật tư, trang thiết bị phòng, chống dịch, thuốc, hóa chất CloraminB (loại bột và viên để khử khuẩn nước), nước rửa tay sát khuẩn, khẩu trang y tế, nhiệt kế, nước súc họng... Các trạm y tế xã, thị trấn xây dựng danh mục thuốc thiết yếu theo thông tư 45/2013/TT-BYT ngày 26/12/2013 của Bộ Y tế.

- Phòng Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn khắc phục, tu sửa kênh mương, đê

điều, khôi phục trạm bơm để phục vụ sản xuất; khử trùng chuồng trại không để phát sinh dịch bệnh trong gia súc, gia cầm.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện hướng dẫn khắc phục đoạn đường bị sạt lở, các cầu, cống bị hư hỏng, bảo đảm giao thông bước 1. Đối với đoạn đường sạt lở nguy hiểm, cắm biển cảnh báo để người dân chủ động phòng tránh.

- Điện lực Tân Yên tổ chức khắc phục sự cố đường dây tải điện, trạm biến thế; vận hành an toàn hệ thống điện phục vụ đời sống và sản xuất nhân dân.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp chính quyền địa phương rà soát hộ gia đình có nhà sập, hư hỏng nặng để hỗ trợ xây lại; rà soát hộ thiếu đói để cấp phát lương thực cứu trợ.

- Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện cân đối nguồn dự phòng ngân sách, các nguồn tài chính hợp pháp khác đề xuất nguồn chi hỗ trợ hộ gia đình có người chết, bị thương, nhà ở bị sập, hư hỏng nặng; kinh phí khắc phục đê điều, khôi phục nước sạch, bảo đảm giao thông bước 1 sớm ổn định đời sống và phục vụ sản xuất.

- Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị- xã hội huyện phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức tiếp nhận, cấp phát hàng, tiền cứu trợ cho người dân bị thiệt hại đặc biệt ưu tiên hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, người tàn tật, cao tuổi, phụ nữ, trẻ em sớm ổn định cuộc sống.

2. Thống kê, đánh giá thiệt hại, lập nhu cầu hỗ trợ

Các cơ quan chuyên môn của huyện, UBND các xã, thị trấn đánh giá, thống kê, xác minh thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn và các lĩnh vực phụ trách, cụ thể:

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, thống kê thiệt hại về người, nhà ở của nhân dân. Nắm rõ số người chết, người mất tích, người bị thương; số nhà sập đổ, nhà bị hư hỏng nặng. Trên cơ sở đánh giá thiệt hại về người và nhà ở, đề xuất UBND huyện cứu trợ khẩn cấp cho gia đình bị thiệt hại, chú ý ưu tiên gia đình chính sách và hộ nghèo.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng đánh giá thiệt hại các tuyến đường Quốc lộ, Tỉnh lộ, các trụ sở cơ quan, công trình xây dựng theo lĩnh vực quản lý tổng hợp báo cáo UBND huyện, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện và đề xuất hỗ trợ khắc phục.

- Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện (*Cơ quan thường trực*) tổng hợp tình hình thiệt hại về nông lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản. Thống kê diện tích lúa, hoa màu bị hư hỏng; diện tích cây công nghiệp, rừng bị ngã đổ; gia súc, gia cầm bị chết; lúa giống bị hư hỏng. Đánh giá thiệt hại đê kè, kênh mương, hồ chứa nước, đập dâng, trạm bơm; diện tích nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại. Lập báo cáo tổng hợp thiệt hại sau thiên tai phạm vi toàn huyện và đề xuất tỉnh hỗ trợ theo quy định.

- Các cơ quan, đơn vị theo lĩnh vực quản lý đánh giá, thống kê thiệt hại, báo cáo UBND huyện thông qua cơ quan thường trực BCH PCTT và TKCN huyện và đề xuất hỗ trợ.

- Các chủ doanh nghiệp kiểm tra, đánh giá thiệt hại của doanh nghiệp báo cáo chính quyền địa phương.

- UBND các xã thông kê tình hình thiệt hại của đơn vị tổng hợp báo cáo về BCH – PCTT TKCN huyện thông qua cơ quan thường trực Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện theo quy định.

3. Lập kế hoạch tái thiết sau thiên tai

a) Tái thiết khẩn cấp: Tổng hợp đánh giá thiệt hại từ các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn lựa chọn được danh mục khắc phục khẩn cấp sau thiên tai. Trên cơ sở kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai được phân bổ; cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn triển khai đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng theo thứ tự ưu tiên. Các danh mục lựa chọn thường là hồ chứa, đập dâng, đê, kè, kênh mương, cống, tràn; cầu, đường giao thông; công trình cấp nước sạch. Thời gian khắc phục khẩn cấp từ 3 đến 8 tháng trước mùa mưa lũ, bão tiếp theo.

b) Tái thiết trung hạn: Để đáp ứng yêu cầu lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội, các cơ quan đơn vị UBND các xã, thị trấn lập kế hoạch trung hạn khôi phục, phát triển sản xuất; nâng cấp công trình, cơ sở hạ tầng kết hợp mục tiêu phòng chống thiên tai, trình cấp thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện. Nội dung chính kế hoạch trung hạn gồm:

Phòng Nông nghiệp và PTNT lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước bảo đảm an toàn hồ chứa; nâng cấp, tu bổ hệ thống đê điều bảo vệ an toàn dân cư, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; kiên cố hóa kênh mương, nâng cấp trạm bơm nhằm tưới tiêu chủ động và tiết kiệm nước; tái định cư và di dời người dân ra khỏi vùng nguy hiểm của thiên tai; khơi thông dòng chảy bảo đảm thoát lũ cho vùng ngập úng; nâng cao nhận thức của cán bộ, người dân về PCTT, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện quy hoạch khu dân cư, phát triển đô thị phải bảo đảm an toàn phòng chống thiên tai. Lập kế hoạch xây dựng nhà ở an toàn, hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh lũ, bão theo chính sách của Chính phủ; nâng cấp công trình cấp, thoát nước đô thị bảo đảm nhu cầu cấp, thoát nước. Tổ chức thực hiện “Hướng dẫn nhà an toàn theo các cấp bão” của ngành để nhân dân chủ động phòng, tránh bão. Lập kế hoạch nâng cấp hệ thống quốc lộ, tỉnh lộ. Kế hoạch xây dựng mới hệ thống cầu, cống bảo đảm kết nối giao thông và tiêu thoát lũ. Đề xuất nâng cấp, mở rộng công trình giao thông bảo đảm nhu cầu phát triển giao thông kết hợp phòng chống thiên tai.

Phòng Văn hóa- thông tin huyện lập kế hoạch nâng cấp hệ thống, trang thiết bị bưu chính, viễn thông bảo đảm thông tin liên lạc. Nâng cấp Đài truyền thanh huyện bảo đảm thông tin liên lạc. Trang bị, bảo dưỡng mạng thông tin chuyên dùng để phục vụ thông tin chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai. Có kế hoạch phối hợp sử dụng hệ thống thông tin nội bộ của lực lượng vũ trang trong huyện.

Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng kế hoạch quản lý môi trường: đất đai, nước mặt, nước ngầm. Có kế hoạch đào tạo, tập huấn về quản lý đất đai, nguồn nước cho cán bộ các huyện, thị xã, thành phố. Có kế hoạch phát triển hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn; sử dụng đất cho công trình phòng

chống thiên tai. Thực hiện quản lý về khoảng cách an toàn, phòng chống sạt lở, bảo vệ môi trường trong khai thác cát, đất, đá làm vật liệu xây dựng.

Phòng Giáo dục và Đào tạo có kế hoạch nâng cấp, kiên cố hóa trường học. Ưu tiên nâng cấp trường học mầm non, tiểu học và phổ thông đối với các xã vùng trũng, khó khăn. Tăng cường tập huấn, rèn luyện chống đuối nước cho học sinh các cấp.

Điện lực Tân Yên xây dựng kế hoạch nâng cấp hệ thống điện, thiết bị bảo đảm cung cấp điện an toàn. Đối với các trạm điện, lập kế hoạch bảo trì hạng mục công trình đầu mối, các thiết bị bảo đảm vận hành an toàn công trình.

Phòng Y tế có kế hoạch bảo trì bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế bảo đảm khám và điều trị bệnh. Có kế hoạch dự trữ vật tư thiết bị y tế, thuốc phòng bệnh, xử lý môi trường ô nhiễm trong phòng chống thiên tai.

UBND xã, thị trấn lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai trên địa bàn: đê điều, thủy lợi, giao thông, trạm y tế, trường học kết hợp nơi di dời khi bão, lũ. Ưu tiên đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng các xã ven sông, thường xuyên bị thiên tai. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn của huyện triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án trọng tâm trên địa bàn.

Các cơ quan chuyên môn của huyện UBND các xã, thị trấn lập kế hoạch trung hạn tái thiết sau thiên tai (giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025) gửi về UBND huyện thông qua, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện để rà soát, điều chỉnh Kế hoạch Phòng chống thiên tai tỉnh giai đoạn 2021- 2025 phù hợp với thực tiễn.

CHƯƠNG VII. NGUỒN LỰC VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Nguồn lực thực hiện:

a) Vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách Trung ương cho tỉnh; vốn đầu tư trong cân đối ngân sách của tỉnh, huyện;

b) Vốn từ nguồn trái phiếu Chính phủ;

c) Vốn hỗ trợ chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

d) Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước (các khoản vốn của Ngân hàng phát triển Việt Nam và Ngân hàng chính sách xã hội);

e) Nguồn dự trữ tài chính;

f) Nguồn kinh phí từ Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh;

g) Nguồn kinh phí của các sở, ngành, đơn vị, địa phương mua sắm vật tư, vật liệu, phương tiện, trang thiết bị theo phương châm “4 tại chỗ”.

h) Nguồn chi thường xuyên cho công tác lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch và xây dựng kế hoạch phát triển ngành, kinh tế-xã hội tỉnh, cấp huyện

i) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Nguồn kinh phí các tổ chức, cá nhân đóng góp hỗ trợ gia đình có người chết, bị thương để mai táng, điều trị; nhà sập, nhà bị hư hỏng nặng để xây cất lại;

cứu trợ lương thực, nhu yếu phẩm thiết yếu, hỗ trợ sinh kế nhằm sớm ổn định cuộc sống người dân.

2. Tiến độ thực hiện

Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án được xây dựng, đề xuất cụ thể và trình các cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

CHƯƠNG VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện: Là cơ quan Thường trực Ban chỉ huy PCTT - TKCN huyện, có nhiệm vụ:

- Phối hợp với Hạt Quản lý đê Tân Yên, UBND các xã rà soát các trọng điểm, các sự cố có thể xảy ra để xây dựng phương án kỹ thuật xử lý sự cố, tham mưu chỉ đạo công tác PCTT, tập huấn kỹ thuật xử lý sự cố, hộ đê cho các cán bộ làm công tác thủy lợi và Chỉ huy trưởng Ban CHQS xã, Trưởng các thôn có đê, các thủ công.

- Tham mưu lập dự trù mua sắm, tiếp nhận vật tư, phương tiện, dụng cụ phòng, chống thiên tai và cấp phát kịp thời khi cần thiết; giao chỉ tiêu, đôn đốc và nghiệm thu kết quả đắp đất dự trữ của các xã, thị trấn.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra công tác phòng, chống thiên tai theo chỉ đạo của Sở Nông nghiệp&PTNT, UBND huyện; tăng cường kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm đê điều, đặc biệt là những trường hợp vi phạm nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn của đê.

- Xây dựng kế hoạch khắc phục hậu quả sau lũ như: Đảm bảo đủ giống cây trồng để phục hồi sản xuất; bảo vệ, dập tắt dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm.

- Tham mưu xây dựng, triển khai kế hoạch, tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm và tổng kết, đánh giá kết quả tổ chức thực hiện cả giai đoạn. Đôn đốc công tác thu, nộp quỹ phòng chống thiên tai của các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn.

2. Ban chỉ huy quân sự huyện: Xây dựng kế hoạch hiệp đồng với lực lượng dân quân tham gia hộ đê. Đề xuất chỉ tiêu huy động lực lượng phòng, chống thiên tai của các xã, thị trấn như: Xung kích I, xung kích II, tuần tra canh gác, giao thông hỏa tốc... Thường xuyên theo dõi, kiểm tra để đảm bảo đủ số lượng khi cần thiết. Xây dựng phương án sơ tán, di dời, tìm kiếm cứu hộ, đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân; phương án điều động hộ đê hợp lý, tổ chức và đôn đốc việc tuần tra canh gác đê điều trong mùa lũ. Tham gia công tác kiểm tra việc chuẩn bị điều kiện PCTT - TKCN của các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện.

3. Xí nghiệp KTCTTL Tân Yên, Tân Yên: Xây dựng kế hoạch, phương án

tiêu úng cứu lúa, khơi thông dòng chảy, tiêu kiệt nước đê, hạn chế để lúa bị thiệt hại do ngập úng. Tu sửa hoàn chỉnh số lượng máy bơm hiện có, đảm bảo 100% số máy bơm hoạt động được và có phương án lắp đặt máy bơm dã chiến để bơm tiêu cục bộ khi cần thiết. Tu sửa các cống dưới đê do đơn vị quản lý. Đối với các cống sâu như cống lấy nước cần phải có phương án kỹ thuật cụ thể để xử lý sự cố và tập kết đủ đất dự trữ ở mỗi cống (từ 200 - 300 m³). Xây dựng phương án di chuyển máy móc thiết bị đảm bảo an toàn kịp thời khi có tình huống xảy ra.

4. Công an huyện: Xây dựng kế hoạch bảo vệ an ninh trật tự trong mùa mưa lũ. Bảo đảm an ninh, trật tự những nơi có lực lượng hộ đê và những nơi xảy ra sự cố. Có phương án bảo vệ trật tự an toàn xã hội khi có tình huống xấu xảy ra. Ngăn chặn các hành động phá hoại công trình phòng lũ. Kiểm tra, xử lý các trường hợp chất tải vật liệu trên đê làm cản trở đường giao thông cơ động hộ đê. Hỗ trợ lực lượng tham gia xử lý sự cố đê điều khi được huy động.

5. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện: Xây dựng phương án đảm bảo giao thông thông suốt trong mùa mưa bão. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xử lý các trường hợp vi phạm chất tải vật liệu trên bề mặt đê làm cản trở giao thông. Nắm chắc số lượng và năng lực các phương tiện vận tải thủy, bộ; xây dựng phương án điều động các phương tiện tham gia chống lụt, hộ đê. Hợp đồng trước một số phương tiện vận tải để huy động hộ đê khi cần thiết. Xây dựng phương án đảm bảo nhu cầu thiết yếu cho nhân dân nơi xảy ra lũ lụt như muối ăn, dầu thắp sáng...

6. Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện: Hướng dẫn và phối hợp với UBND các xã xây dựng phương án giải phóng mặt bằng để lấy đất xử lý sự cố khi cần thiết. Xây dựng phương án bảo vệ và khắc phục hậu quả về môi trường trong vùng bị thiên tai. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, ngăn chặn việc khai thác cát sỏi trái phép lòng sông, chất tải vật liệu xây dựng làm ảnh hưởng đến đê điều.

7. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện: Tham mưu xây dựng kế hoạch và cấp kinh phí cho công tác PCTT, dự trù kinh phí xử lý sự cố đột xuất trong mùa mưa bão.

8. Thanh tra huyện: Hàng năm phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT xây dựng kế hoạch và thực hiện kiểm tra, thanh tra công tác quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác PCTT-TKCN của các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị trong huyện.

9. Phòng Lao động-TB&X huyện: Nắm chắc lực lượng lao động tại các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện; xây dựng kế hoạch điều động lực lượng lao động tham gia hộ đê khi cần thiết và phương án đảm bảo đời sống cho nhân dân, các đối tượng chính sách, đối tượng tàn tật, trẻ em và người già trong vùng xảy ra lũ lụt.

10. Trung tâm VH-TT huyện: Thường xuyên phát sóng các tin bài phục vụ công tác PCTT, tuyên truyền nội dung của Luật Đê điều, Luật Phòng, chống thiên tai trên sóng phát thanh, truyền hình huyện và định hướng các trạm đài Truyền thanh cơ sở cùng thực hiện.

11. Phòng Y tế, Trung tâm Y tế huyện: Xây dựng kế hoạch bảo vệ sức khoẻ nhân dân trong vùng xảy ra lũ lụt, chuẩn bị đủ cơ số thuốc phòng và điều trị các bệnh, dịch xảy ra trong mùa mưa bão. Tổ chức trực y tế ở những nơi có lực lượng hộ đê xử lý sự cố. Chuẩn bị sẵn sàng phương án ứng phó với từng tình huống thiên tai trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đáp ứng công tác PCTT, đảm bảo phòng chống dịch bệnh Covid-19.

12. Điện lực Tân Yên: Xây dựng kế hoạch đảm bảo điện phục vụ chống úng; đảm bảo an toàn, kịp thời khắc phục sự cố về điện trong mùa mưa, bão.

13. Trung tâm Viễn thông huyện: Xây dựng phương án đảm bảo thông tin liên lạc kịp thời, chính xác các tin tức phục vụ chống lụt, bão thông suốt trong mọi tình huống.

14. Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị- xã hội huyện: Phối hợp với các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn trong công tác phòng, chống thiên tai; tuyên truyền, vận động các đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân chủ động phòng, chống thiên tai, tích cực tham gia công tác hộ đê, di dời dân, tìm kiếm cứu nạn tại địa phương khi xảy ra sự cố; vận động các tổ chức, cá nhân quyên góp, ủng hộ khi bị ảnh hưởng của thiên tai.

15. UBND các xã, thị trấn: Hàng năm kiện toàn Ban chỉ huy PCTT-TKCN của xã, thị trấn do đồng chí Chủ tịch UBND làm Trưởng ban. Căn cứ lực lượng lao động thực tế có mặt tại địa phương để thành lập các lực lượng: Xung kích I, Xung kích II, Tuần tra canh gác,... bảo đảm quy định, tham gia hiệu quả công tác PCTT-TKCN. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động và có phương án huy động lực lượng nhân dân hiện có tại địa phương tích cực tham gia PCTT - TKCN.

Tổ chức lực lượng thường trực phòng, chống thiên tai theo quy định.

Thực hiện tốt công tác tu bổ, nạo vét kênh mương, đảm bảo tưới, tiêu kịp thời phục vụ sản xuất. Xây dựng kế hoạch, phương án cụ thể tiêu úng cứu lúa, khơi thông dòng chảy, đặc biệt là các cống tiêu trên kênh tiêu chính.

Chuẩn bị đầy đủ vật tư, dụng cụ, phương tiện, nhân lực theo chỉ tiêu huyện giao, sẵn sàng nhận nhiệm vụ hộ đê, PCTT ở các địa phương khác theo điều động của Thường trực UBND huyện và Ban chỉ huy PCTT huyện.

Các xã, thị trấn có đê (đê cấp III, đê bồi Việt Lập, Quế Nham, Ngọc Lý) thực hiện thường trực, tuần tra canh gác, tổ chức xử lý sự cố giờ đầu theo phương châm “4 tại chỗ”. Đặc biệt chú ý các cống dưới đê và các trọng điểm xung yếu. Thường

xuyên kiểm tra đê, kè, cống; chỉ đạo đóng cánh cống, lấp bịt các khe hở, tuyệt đối không được để kênh, kệt cánh cống. Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng TN&MT giải tỏa hành lang đảm bảo cơ động của lực lượng PCTT-TKCN đến các tuyến đê, nhất là các điểm xung yếu, vị trí xung yếu.

Các xã có đê bồi, hồ đập có nhiều tiềm ẩn nguy cơ xảy ra sự cố, xây dựng phương án bảo vệ đê bồi và hồ đập, phương án sơ tán di dời, khôi phục sản xuất, đảm bảo đời sống của nhân dân nếu xảy ra trường hợp phải xả lũ vào vùng bồi.

Trên đây là Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn huyện Tân Yên giai đoạn 2021 - 2025 trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, NN&PTNT.

Bản điện tử:

- Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Bắc Giang;
- Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Bắc Giang;
- Thường trực HU, HĐND, UBND huyện;
- Các cơ quan đơn vị của TW, tỉnh đóng trên địa bàn huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện HU, UBND huyện;
- MTTQ, các tổ chức CT-XH huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thế Huy